

Bản án số: 08/2018/HSST

Ngày: 06/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Duy Trâm

Bà Lê Thị Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly là thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông K' Dem - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Ngọc H (Tên gọi khác: Hói), sinh năm 1996 tại: Lâm Đồng; nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: thợ khoan giếng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Trung H và bà Nguyễn Thị Thanh H; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/07/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

-Người bào chữa cho bị cáo H: ông Trần Văn D – Luật sư Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nam Sơn thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

2. Họ và tên: Hoàng Văn S, sinh năm 1991 tại: Lâm Đồng; Nơi cư trú: thôn Tân Phú 1, xã Đhuyền D, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học

vấn: 5/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Xuân Đ và bà Bùi Thị L; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo hiện đang được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa. Có mặt

3. Họ và tên: Nguyễn Phạm D, (Tên gọi khác: Cu), sinh năm 1994 tại: Lâm Đồng; Nơi cư trú: số 1346 Hùng Vương, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Thợ hàn; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Th và bà Phạm Thị Th; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo hiện đang được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa. Có mặt

- Bị hại: Anh Nguyễn Quốc V (Tên gọi khác: Mất toác), sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn 8, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: ông Nguyễn Tuấn H - Luật sư Văn phòng luật sư Phan Công Quyền thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng: anh Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn Tân Phú 2, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 20/4/2017, Hoàng Văn S, Trần Ngọc H và Nguyễn Phạm D cùng ngồi uống rượu tại nhà Sĩ ở thôn T, xã Đ, huyện Di Linh. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày Nguyễn Quốc V (tên thường gọi: Mất Toác, Sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn 8, xã G, huyện D) điều khiển xe máy chở Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện D ngồi phía sau xe máy chạy ngang qua nhà Hoàng Văn S cho xe tăng ga, rồ máy. Sau đó, V và Đ đến nhà ông Trần Ngọc S, nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện D

Sau khi nghe tiếng xe rồ ga điều khiển đi ngang qua nhà mình, Hoàng Văn S nói với H và D: “*Thằng nào chạy xe đi ngang qua nhà tao mà rồ ga, chửi bới*”. H trả lời “*Chắc là thằng Mất toác*”. Sĩ nói với H và D: “*Đi tìm nó, hỏi xem tao có thù oán gì với nó không mà nó đi qua nhà tao rồ ga, nó mà láo thì bộp cho nó mấy phát*”. S nói với D: “*Lấy xe máy chở anh với thằng Hạnh đi*”. Khi đi cả ba không mang theo hung khí gì.

Khi đến nơi, S, H, D dựng xe máy phía sau xe của V và gặp Đ đang đứng ở trước nhà ông S. Lúc này, V đang ở trong phòng ngủ của Trần Đức H (con ông S). S gọi V ra, V trả lời S “*đi vào phòng ngủ của H để nói chuyện*”. Quá trình nói chuyện với nhau thì S dùng tay đâm trúng vào mặt V, trong khi S và V đang đánh

nhau bằng tay không, H đứng bên ngoài lấy dao phát mũi quắm để trên gác бага xe của V chạy vào. H dùng dao chém 01 phát sượt vào tay S, S lùi ra ngoài thì H dùng dao chém thêm một nhát trúng vào tay của V. Hậu quả: Nguyễn Quốc V bị thương ở cổ tay phải.

Ngày 17/05/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện D ra quyết định trưng cầu giám định tỉ lệ thương tật của Nguyễn Quốc V. Tại bản kết luận pháp y về thương tích số 130/2017/TgT ngày 03/7/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Lâm Đồng xác định: Nguyễn Quốc V bị 01 vết thương mặt lưng cổ tay phải dài 05cm, đứt gân duỗi khoang 2,3,4,5,6; đứt động mạch quay phải, gãy đầu dưới hai xương cẳng tay phải. Tỉ lệ thương tật tại thời điểm giám định là 34%. (BL 133-134)

Vật chứng thu giữ: 01 con dao dài 32,5cm cán gỗ, lưỡi sắt, mũi quắm. Cán dao bằng gỗ dài 12,5cm, đường kính 2,5cm. (BL 230)

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị can Trần Ngọc H và gia đình đã bồi thường 20.000.000 đồng cho người bị hại Nguyễn Quốc V (BL: 152-154).

Tại cơ quan điều tra, các bị can đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên (BL: 47-64, 70-91, 102-117).

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, bị can H đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị can đã cùng gia đình bồi thường với số tiền 20.000.000đ cho người bị hại Nguyễn Quốc V. Đây là những tình tiết cần xem xét giảm nhẹ cho bị can theo điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với bị can Hoàng Văn S và bị can Nguyễn Phạm D, đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị can chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết cần xem xét giảm nhẹ cho bị can theo điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng truy tố tại Bản cáo trạng số 61/Ctr-VKS ngày 15 tháng 11 năm 2017, cụ thể:

Truy tố:

Trần Ngọc H về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a, khoản 1, khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Hoàng Văn S, Nguyễn Phạm D về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận diễn biến vụ việc đúng như bản Cáo trạng và không thắc mắc, khiếu nại gì nội dung bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm a, khoản 1, khoản 3 Điều 104; điểm b, p Khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội xử phạt bị cáo H từ 03 đến 04 năm tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 245; điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 31; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo S từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo D từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo H và người bị hại anh V. Bị cáo H có trách nhiệm bồi thường thêm cho anh V 70.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 32,5cm cán gỗ, lưỡi sắt, mũi quắm. Cán dao bằng gỗ dài 12,5cm, đường kính 2,5cm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo H thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố đối với bị cáo H. Tuy nhiên, ngoài tình tiết giảm nhẹ như kiểm sát viên viện dẫn thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ người bị hại cũng có lỗi cho bị cáo H, bên cạnh đó Luật sư cũng đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 1999 để quyết định mức hình phạt nhẹ hơn theo quy định cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, giữa bị cáo và người bị hại đã tự thỏa thuận được tại phiên tòa về mức bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại anh V đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo H và người bị hại anh V tại phiên tòa. Tuy nhiên, ngoài việc đề nghị Hội đồng xét xử cần đưa bố, mẹ bị cáo H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để có trách nhiệm liên đới cùng bồi thường, bảo đảm cho việc thi hành bản án về phần bồi thường thiệt hại. Về phần hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt của người bị hại anh V cho bị cáo H tại phiên tòa hôm nay.

Lời nói sau cùng: Bị cáo H nhận thức được hành vi của mình gây ra là trái pháp luật, bị cáo xin lỗi gia đình người bị hại và đề nghị được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về hòa nhập với xã hội, giúp đỡ gia đình.

Bị cáo S và bị cáo D cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, các luật sư không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo H nhận thức rõ việc dùng dao là hung khí nguy hiểm tấn công người khác dễ dàng gây tổn hại đến sức khỏe, gây thương tích cho người khác nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Mặc dù, không có mâu thuẫn với Nguyễn Quốc V từ trước nhưng khi được S rủ rê đi đánh nhau thì H đồng ý, khi thấy S và V đang đánh nhau tại nhà ông S thì H đã tự ý lấy dao gacbaga xe của V chạy vào chém vào vùng cổ tay của V gây thương tích. Hậu quả V bị thương tật là 34% (Kết luận giám định _BL 133- 134). Đối với S, đã có hành vi lôi kéo H và D tham gia đi đánh V, bản thân S cũng tham gia đánh V nhưng không gây thương tích, còn D biết việc S rủ đi đánh nhau là trái pháp luật nhưng vẫn sử dụng xe mô tô chở S và H tìm V để đánh nhau; khi H, S và V đánh nhau, mặc dù D không trực tiếp tham gia nhưng có hành vi cản trở Nguyễn Hoàng Đ can ngăn việc đánh nhau. Hành vi của S và D đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, được thể hiện tại báo cáo của Công an xã Đ và ban nhân dân thôn T, xã Đ (BL 22-23). Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, cáo trạng, biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án nên đã có đủ cơ sở kết luận: bị cáo H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Còn bị cáo S và D phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối chiếu với quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 thì hành vi phạm tội của H được quy định tại điểm c, khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, có mức hình phạt nhẹ hơn (*Phạt tù từ 05 năm đến 10 năm*). Vì vậy, căn cứ theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 về nguyên tắc có lợi thì cần áp dụng điểm c, khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo H khi lượng hình.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo H gây ra là rất nghiêm trọng, thể hiện thái độ coi thường kỷ cương pháp luật Nhà nước, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của

người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Trong tình hình một bộ phận không nhỏ người dân, nhất là tầng lớp thanh niên thường tụ tập sử dụng rượu bia, không tự làm chủ bản thân; kích động, xúi giục lẫn nhau dẫn đến sử dụng vũ lực để giải quyết các mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống thì cần thiết xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng đối với bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với S và D, tuy tính chất mức độ phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng hành vi của các bị cáo cũng trực tiếp xâm hại đến trật tự an toàn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương nên cũng cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục riêng đối với các bị cáo, làm gương cho xã hội. Trong đó, S là người khởi xướng, rủ rê lôi kéo nên cần xử mức hình phạt cao hơn so với D. Xét hai bị cáo có có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà chỉ cần xử phạt cải tạo không giam giữ dưới sự giám sát của gia đình và địa phương cũng đủ đáp ứng công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, đều có nhân thân tốt thể hiện qua việc không có tiền án tiền sự, nhất thời phạm tội. Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên cùng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo H sau khi phạm tội cũng đã tự nguyện cùng gia đình bồi thường cho anh V 20.000.000 đồng; tại phiên tòa hôm nay người bị hại anh V cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Đối với lời bào chữa của luật sư đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ người bị hại cũng có lỗi cho bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi nẹt pô xe của V trên thực tế không gây hại gì cho bị cáo, hoàn toàn không tác động đến thái độ tâm lý và hành vi phạm tội của bị cáo, việc bị cáo phạm tội xuất phát từ nguyên nhân giữa S và V có xích mích nên bị cáo gây thương tích cho V, do đó đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo nêu ra là không đủ cơ sở để chấp nhận.

Đối với bị cáo S và D phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại anh V yêu cầu bị cáo H bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm hại với số tiền là 90.000.0000 đồng và bị cáo H cũng thống nhất. Xét thỏa thuận trên là tự nguyện và đúng pháp luật nên cần ghi nhận.

Quá trình điều tra, bị cáo H đã bồi thường được 20.000.000 đồng, nên còn phải bồi thường tiếp cho anh V số tiền 70.000.000 đồng. Về ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại anh V đề nghị cần đưa bố, mẹ bị cáo vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường, đảm bảo việc thi hành bản án về phần bồi thường thiệt hại. Xét ý kiến trên là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ bị cáo là người đã thành niên nên tự phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do mình gây ra. Mặt khác, bố mẹ bị cáo H hoàn toàn không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của H.

[6] Xử lý vật chứng: Vật chứng chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự huyện D ngày 20/11/2017 gồm: 01 con dao dài 32,5cm cán gỗ, lưỡi sắt, mũi quắm. Cán dao bằng gỗ dài 12,5cm, đường kính 2,5cm. Con dao này là công cụ bị cáo H sử dụng để phạm tội, thuộc quyền sử dụng của anh S nhưng anh S không có nhu cầu nhận lại. Xét không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm b, p Khoản 1, Điều 46; Điều 47 Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm c, khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Trần Ngọc H 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 31/07/2017

2. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn S và Nguyễn Phạm D phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 245; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 31; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Hoàng Văn S 18 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục bị cáo nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Hoàng Văn S cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng Chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 245; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 31; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Phạm D 06 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục bị cáo nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Phạm D cho Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng Chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 585, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần Ngọc H và người bị hại anh Nguyễn Quốc V. Bị cáo Trần Ngọc H có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Quốc V số tiền 70.000.000 đ (*Bảy mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên: tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 32,5cm cán gỗ, lưỡi sắt, mũi quắm. Cán dao bằng gỗ dài 12,5cm, đường kính 2,5cm. (*Theo biên bản giao vật chứng ngày 20/ 11/2017*)

5. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Trần Ngọc H, Hoàng Văn S, Nguyễn Phạm D mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Ngọc Hạnh phải chịu 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Bộ phận Thi hành án hình sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Hoàn

Mẫu số 27-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN⁽¹⁾.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:...../.....⁽²⁾/HS-ST

Ngày.....-.....-.....⁽³⁾

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN.....⁽⁴⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁵⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà)

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):

Ông (Bà)

Ông (Bà)

Ông (Bà)

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....⁽⁶⁾

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân⁽⁷⁾.....tham gia phiên tòa:

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁸⁾ tại.....⁽⁹⁾

xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:.../.../TLST-HS
ngày...tháng...năm...theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:.../.../QĐXXST-HS
ngày...tháng...năm... đối với bị cáo (các bị cáo):

⁽¹¹⁾ sinh ngày.....tháng..... năm..... tại.....

Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học
vấn).....; dân tộc:.....; giới tính:.....; tôn giáo:.....; quốc tịch:.....; con
ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con; ⁽¹²⁾tiền án.....,tiền
sự.....; nhân thân.....; bị bắt, tạm giam ngày⁽¹³⁾.....

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:⁽¹⁴⁾

Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú.....,
nghề nghiệp..... là⁽¹⁵⁾.....

- Người bào chữa cho bị cáo:⁽¹⁶⁾.....

.....

- Bị hại:⁽¹⁷⁾.....

.....

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:⁽¹⁸⁾.....

.....

- Nguyên đơn dân sự:⁽¹⁹⁾.....

.....

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:⁽²⁰⁾.....

.....

- Bị đơn dân sự:⁽²¹⁾.....

.....

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:⁽²²⁾.....

.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:⁽²³⁾.....

.....

**- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến
vụ án:⁽²⁴⁾**.....

.....

**- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân
sự,.....):⁽²⁵⁾**.....

.....
 - *Người tham gia tố tụng khác:*⁽²⁶⁾

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:⁽²⁷⁾

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: ⁽²⁸⁾

[1].....

[2].....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào⁽²⁹⁾

(30)

(31)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xóa. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì

ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Các Hội Thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

K’Đào

Lê Thị Chung

Nguyễn Công Hoàn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND huyện Di Linh;
- Công an huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Bộ phận Thi hành án hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Công Hoàn

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TOÀ ÁN ⁽¹⁾	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Bản án số ⁽²⁾ /...../HSST	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ngày ⁽³⁾-.....-.....	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN ⁽⁴⁾.....

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có ⁽⁵⁾:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà).....

Các Hội thẩm:⁽⁶⁾

1. Ông (Bà):.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi công tác:.....

2. Ông (Bà):.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi công tác:.....

3. Ông (Bà):.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi công tác:.....

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông (Bà).....

cán bộ Tòa án ⁽⁷⁾

Đại diện Viện kiểm sát ⁽⁸⁾..... tham gia phiên tòa:

1. Ông (Bà)..... Kiểm sát viên.

2. Ông (Bà)..... Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm..... ⁽⁹⁾ tại.....

xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số ⁽¹⁰⁾...../...../HSST ngày..... tháng..... năm..... đối với các bị cáo:

1. sinh ngày..... tháng..... năm..... tại.....

trú tại.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá.....; con ông..... và bà.....; có vợ (chồng) và..... con; tiền sự.....; tiền án ⁽¹¹⁾.....; bị bắt tạm giam ngày ⁽¹²⁾.

2.....

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: ⁽¹³⁾

Ông (Bà)..... sinh năm (hoặc tuổi).....; trú tại.....; nghề nghiệp..... là: ⁽¹⁴⁾.....

Người bào chữa cho bị cáo: ⁽¹⁵⁾.....

Ông (Bà).....

Người bị hại: ⁽¹⁶⁾.....

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: ⁽¹⁷⁾.....

Nguyên đơn dân sự: ⁽¹⁸⁾.....

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: ⁽¹⁹⁾.....

Bị đơn dân sự: ⁽²⁰⁾.....

Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự: ⁽²¹⁾.....

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: ⁽²²⁾.....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ⁽²³⁾.....

Người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại (nguyên đơn dân sự,...) ⁽²⁴⁾

Ông (Bà).....

NHẬN THẤY ⁽²⁵⁾

- Bị cáo (các bị cáo) bị Viện kiểm sát..... truy tố về hành vi (các hành vi) phạm tội như sau:

(Trình bày việc phạm tội, các hành vi phạm tội của bị cáo (các bị cáo) mà Viện kiểm sát truy tố theo nội dung của cáo trạng).

- Tại bản cáo trạng số..... ngày..... tháng..... năm..... Viện kiểm sát..... đã truy tố.

(Ghi phần quyết định truy tố của cáo trạng đối với từng bị cáo về tội danh và điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự được áp dụng).

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa (nếu có) và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY ⁽²⁶⁾

.....

.....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH ⁽²⁷⁾

.....

.....

.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 185, 224 và 307 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án quân sự khu vực, thì ghi Toà án quân sự khu vực mấy Quân khu nào (ví dụ: Toà án quân sự khu vực 1 quân khu 4); nếu là Toà án quân sự quân khu thì ghi Toà án quân sự quân khu nào (ví dụ: Toà án quân sự Quân khu Thủ đô); nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi Toà án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án theo đúng tinh thần hướng dẫn của Chính phủ về cách ghi số văn bản (ví dụ: Bản án số 250/2004/HSST).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(5) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ và tên của Thẩm phán chủ tọa phiên toà, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm chỉ ghi họ và tên của hai Hội thẩm; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ và tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ và tên của Thẩm phán, họ và tên của cả ba Hội thẩm. Trong trường hợp bị cáo là người chưa thành niên, thì nhất thiết phải ghi nghề nghiệp và nơi công tác của Hội thẩm. Trong trường hợp bị cáo là người thành niên, thì không nhất thiết phải ghi nghề nghiệp và nơi công tác của Hội thẩm nhân dân.

(6) Nếu Toà án nhân dân, thì ghi Hội thẩm nhân dân; nếu Toà án quân sự, thì ghi Hội thẩm quân nhân.

(7) Ghi họ và tên của Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà và tên của Toà án, nơi Thư ký Toà án công tác như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1), song đổi các chữ “Toà án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân” và “Toà án quân sự” thành “Viện kiểm sát quân sự”; nếu chỉ có một Kiểm sát viên tham gia phiên toà thì chỉ ghi họ và tên của Kiểm sát viên đó; nếu có hai Kiểm sát viên tham gia phiên toà thì phải ghi đầy đủ họ và tên của cả hai Kiểm sát viên đó.

(9) Trong trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày, thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 12 tháng 4 năm 2004...).

Trong trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày trở lên, nếu số ngày tương đối ít thì có thể ghi đủ số ngày (ví dụ: Trong các ngày 3, 4 và 5 tháng 7...); nếu số ngày nhiều liên nhau thì ghi từ ngày đến ngày (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 3 đến ngày 7 tháng 7 năm...); nếu khác tháng mà xét xử liên tục thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 30-7 đến ngày 04-8 năm...), nếu không xét xử liên tục thì ghi các ngày của từng tháng (ví dụ: trong các ngày 29, 30, 31 tháng 7 và các ngày 03, 04 tháng 8 năm...).

(10) Ô thứ nhất ghi số thụ lý sơ thẩm vụ án, ô thứ hai ghi năm thụ lý vụ án theo đúng tinh thần hướng dẫn của Chính phủ về cách ghi số văn bản và sau đó ghi ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Vụ án hình sự thụ lý số 175/2004/HSST ngày 20 tháng 4 năm 2004).

(11) Ghi họ và tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu thấy đến năm phạm tội mà bị cáo mới 20 tuổi, thì nhất thiết phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh; nếu trên 20 tuổi thì có thể ghi năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi tạm trú. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án.

(12) Ghi ngày bị cáo bị bắt tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên toà thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên toà thì ghi “vắng mặt”.

(13) Nếu bị cáo nào có người đại diện hợp pháp thì ghi họ và tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A).

(14) Sau chữ “là” ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên toà thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên toà thì ghi “vắng mặt”.

(15) Nếu bị cáo nào có người bào chữa thì ghi họ và tên của bị cáo đó; sau chữ Ông (Bà) ghi họ và tên của người bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn

luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16), (17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) Nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi họ và tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trong trường hợp người bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người chưa thành niên, thì nhất thiết phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của người bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(24) Nếu người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi họ và tên của họ theo thứ tự; sau chữ Ông (Bà) ghi họ và tên; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) Trong phần này, cần chú ý chỉ ghi các hành vi phạm tội của các bị cáo mà Viện kiểm sát truy tố trong nội dung của cáo trạng, những hành vi khác tuy có được mô tả trong cáo trạng, nhưng Viện kiểm sát không truy tố thì không ghi.

(26) Trong phần này chỉ ghi sự phân tích và đánh giá của Hội đồng xét xử bao gồm:

- Phân tích và đánh giá những vấn đề đã được tranh tụng tại phiên tòa;
- Phân tích những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội;
- Đánh giá bị cáo có phạm tội không và nếu bị cáo có phạm tội, thì phạm tội gì, theo khoản nào, điều nào của Bộ luật hình sự;
- Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo;
- Đánh giá thiệt hại và xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có);
- Hướng giải quyết về xử lý vật chứng (nếu có).

(27) Trong phần này ghi các quyết định của Tòa án và quyền kháng cáo đối với bản án như sau:

a. Trường hợp bị cáo có phạm tội:

- Tuyên bố bị cáo (các bị cáo)... phạm tội (các tội)... (bị cáo nào phạm tội nào thì ghi tội đó);
- Áp dụng điểm... khoản... Điều... của Bộ luật hình sự; nếu có nhiều bị cáo phạm các tội khác nhau, thì ghi áp dụng điểm... khoản... Điều... của Bộ luật hình sự đối với bị cáo (các bị cáo)... và áp dụng điểm... khoản... Điều... của Bộ luật hình sự đối với bị cáo (các bị cáo)...
- Xử phạt bị cáo... (ghi tên từng bị cáo và mức hình phạt). Tiếp đó ghi thời điểm để tính thời hạn chấp hành hình phạt; nếu cho bị cáo được hưởng án treo thì cần giao người được hưởng án treo cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú để giám sát và giáo dục. Trong trường hợp cần tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành hình phạt tử hình thì ghi: “tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án”.
- Việc bồi thường thiệt hại: Cần thiết phải ghi: áp dụng khoản... Điều... (tương ứng) của Bộ luật dân sự buộc...;
- Việc xử lý vật chứng (nếu có) cần theo quy định tại Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003;
- Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm;
- Quyền kháng cáo đối với bản án. Đối với bị cáo bị xử phạt tử hình thì cần ghi thêm: “nếu họ không kháng cáo, thì họ có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước xin ân giảm án tử hình trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày hết hạn kháng cáo”.

b. Trong trường hợp bị cáo không phạm tội:

Căn cứ vào khoản... Điều 107 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tuyên bố bị cáo không phạm tội;
- Giải quyết việc khôi phục danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp của họ;

- Xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có);
- Việc xử lý vật chứng (nếu có);
- Về án phí (nếu có);
- Quyền kháng cáo đối với bản án.

c. Nếu bị cáo bị tuyên hình phạt trục xuất, thì Hội đồng xét xử cũng phải tuyên cả thời gian bị cáo phải rời khỏi Việt Nam.

Phần cuối cùng của bản án, nếu là bản án gốc được thông qua tại phòng nghị án thì cần phải có đầy đủ chữ ký, họ và tên của các thành viên Hội đồng xét xử; nếu là bản án chính thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao bản án theo quy định tại Điều 229 của Bộ luật tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án chính)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ký tên và đóng dấu của Tòa án

(Họ và tên)

